| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ DÂU**<br>**TỈNH TN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2020
V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Ông Hồ Huy Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Kim H, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp SC A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp SC A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị H trình bày:* chị và anh M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện GD vào năm 2002; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau thường xuyên. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh M, về con chung gồm Lê Văn H, sinh ngày 14-4-1992 và Lê Trọng V, sinh ngày 29-7-1998 đã thành niên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình lấy lời khai bị đơn anh M trình bày phù hợp với lời khai của chị H. Chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Chị H và anh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 có đăng ký kết hôn; quá trình sống chung đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M quan hệ với người phụ nữ khác. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H và anh M ly hôn là có căn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: đã thành niên đề nghị không giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Chị H và anh M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1990 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; quá trình sống chung với nhau đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng gây gổ với nhau thường xuyên; chị H đã nộp đơn xin ly hôn sau đó rút lại để anh M sửa chữa nhưng anh M không sửa chữa được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho chị H và anh M ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Lê Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Kim H ly hôn với anh Lê Văn M.

**2.** Về con chung: đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Lê Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000135 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD (Chị H đã nộp xong).

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Chị Lê Kim H, anh Lê Văn M có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC.THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Thanh Tùng**